ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3164 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị Quyết số 164/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 phê duyệt tổng số lượng người trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Sơn La năm 2020.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1001/TTr-SNV ngày 18 tháng 12 năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Sơn La năm 2020 là: **27.439** người *(Có biểu chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định Đề án xác định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố; tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm của từng đơn vị sự nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh giao số lượng người làm việc theo các quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Căn cứ số lượng người làm việc và cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được giao, chủ động bố trí, sắp xếp để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (D50b).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 3164 /QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (), giảm (-)
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	TỔNG CỘNG	**28119**	**27439**	**-680**
A	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**588**	**575**	**-13**
I	**CẤP TỈNH**	**171**	**172**	1
1	Thư viện tỉnh	27	27	0
2	TT Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	35	35	0
3	Nhà hát Ca múa nhạc	47	47	0
4	Bảo tàng tỉnh Sơn La	23	25	2
5	Trung Tâm Văn hóa - Điện ảnh	39	38	-1
II	**CẤP HUYỆN**	**417**	**403**	**-14**
1	TT Truyền thông - Văn hóa Bắc Yên	29	27	-2
2	TT Truyền thông - Văn hóa Mai Sơn	41	38	-3
3	TT Truyền thông - Văn hóa Mộc Châu	38	36	-2
4	TT Truyền thông - Văn hóa Mường La	37	37	0
5	TT Truyền thông - Văn hóa Phù Yên	41	40	-1
6	TT Truyền thông - Văn hóa Quỳnh Nhai	38	36	-2
7	TT Truyền thông - Văn hóa Sông Mã	32	32	0
8	TT Truyền thông - Văn hóa Sốp Cộp	27	27	0
9	TT Truyền thông - Văn hóa thành phố	22	22	0
10	TT Truyền thông - Văn hóa Thuận Châu	38	38	0
11	TT Truyền thông - Văn hóa Vân Hồ	38	36	-2
12	TT Truyền thông - Văn hóa Yên Châu	36	34	-2
B	**LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**116**	**112**	**-4**
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	88	84	-4
2	TT Thông tin (TT Công báo cũ)	16	16	0
3	TT Công nghệ thông tin và Truyền thông	12	12	0
C	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**309**	**301**	**-8**
I	**CẤP TỈNH**	**298**	**290**	**-8**
1	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La	238	230	-8
2	TT Bảo trợ xã hội	22	22	0
3	TT điều trị &NDPHCNBN tâm thần	27	27	0
4	TT Dịch vụ việc làm	11	11	0
II	**CẤP HUYỆN**	**11**	**11**	**0**
2	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy Sông Mã	11	11	0
D	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**	**459**	**442**	**-17**
I	**CẤP TỈNH**	**49**	**45**	**-4**
1	TT giống cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản	4	0	-4
2	TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường	18	18	0
3	TT Khuyến nông tỉnh	21	21	0
4	Trạm kiểm dịch động vật Vân Hồ	6	6	0
9	**Các BQL khu bảo tồn thiên nhiên**	**103**	**103**	**0**
9.2	BQL Rừng đặc dụng Xuân Nha	19	19	0
9.4	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La	20	20	0
9.5	BQL Rừng đặc dụng Tà Xùa	18	18	0